

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương

ỦY BAN NHÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023; Công điện số 123/CD-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2023 nguồn ngân sách trung ương; Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 2); Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 3); Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 4); Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (nguồn ngân sách địa phương);

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 230/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, như sau:

1. Điều chỉnh vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí.

1.1. Điều chỉnh giảm 8.986 triệu đồng, gồm:

(1). Các dự án bảo vệ phát triển rừng giảm 8.350 triệu đồng (giảm hết vốn cân đối theo tiêu chí bố trí năm 2023).

(2). Dự án Hệ thống âm thanh lưu động cho Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San giảm 636 triệu đồng (giảm từ 9.880 triệu đồng xuống còn 9.243 triệu đồng).

1.2. Điều chỉnh tăng 8.986 triệu đồng, gồm:

(1). Điều chỉnh tăng vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia với số vốn 8.986 triệu đồng.

2. Điều chỉnh nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư.

2.1 Điều chỉnh giảm vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia của kế hoạch năm 2023 là 8.986 triệu đồng (từ 34.291 triệu đồng còn 25.305 triệu đồng).

2.2 Điều chỉnh giảm vốn đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia kinh phí bố trí để thực hiện các dự án giãn tiền độ do hụt thu năm 2022 với số vốn là 80.000 triệu đồng (điều chỉnh giảm vốn tại phụ lục 3 và phụ lục 3.1 nguồn tiền sử dụng đất tại Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022).

3. Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022.

Điều chỉnh tăng 80.000 triệu đồng từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022 để bố trí vốn đối ứng cho các Chương trình mục tiêu quốc gia.

(có biểu số 01 và phụ lục 1,2 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch điều chỉnh này, các chủ đầu tư dự án khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn Phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Kiểm toán nhà nước khu vực XII;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu VT, CNXD, NL, KGVX, KTHH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Hải Long



ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
 (Kèm theo Quyết định số **655** /QĐ-UBND ngày **30** tháng **10** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Lý do điều chỉnh
							TMDT		Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
							Tổng số	Trong đó: NSDP								
A	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí								18.230	18.230	8.986	8.986	18.230	18.230		
I	Điều chỉnh giảm vốn								18.230	18.230	8.986		9.244	9.244		
(I)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản								8.350	8.350	8.350					
1	Các dự án bảo vệ phát triển rừng	Các huyện, thị xã, thành phố	7894841	282	2021-2024	496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 529/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; 525/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	424.000	33.000	8.350	8.350	8.350		-	-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
(I)	Văn hoá thông tin								9.880	9.880	636		9.244	9.244		
1	Hệ thống âm thanh lưu động cho Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San	Pleiku	7964066	161	2023	188/QĐ-SKHDT ngày 14/11/2022	10.000	10.000	9.880	9.880	636		9.244	9.244	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Dự án hoàn thành còn dư vốn.
II	Các dự án điều chỉnh tăng vốn								-	-	-	8.986	8.986	8.986		
(I)	Các hoạt động kinh tế											8.986	8.986	8.986		
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia											8.986	8.986	8.986	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Có phụ lục 2 kèm theo
B	Tiền sử dụng đất								433.375	433.375	88.986	-	344.389	344.389		
I	Các dự án điều chỉnh giảm vốn								433.375	433.375	88.986	-	344.389	344.389		
(I)	Các hoạt động kinh tế								433.375	433.375	88.986	-	344.389	344.389		
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia								34.291	34.291	8.986		25.305	25.305		Giảm tương ứng với số vốn bổ sung từ nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí
2	Bổ trí cho các dự án do hạn thu năm 2022								399.084	399.084	80.000		319.084	319.084	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Điều chỉnh tại mục B.1.7 nguồn tiền sử dụng đất tại Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 (giảm do được bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách tính năm 2022)
	Trong đó															
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia								80.000	80.000	80.000				UBND các huyện, thị xã, thành phố	Điều chỉnh giảm vốn tại phụ lục 3 và phụ lục 3.1 nguồn tiền sử dụng đất tại Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 (giảm do được bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách tính năm 2022)
C	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2022								-	-	-	80.000	80.000	80.000		
(I)	Các hoạt động kinh tế								-	-	-	80.000	80.000	80.000		
1	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia											80.000	80.000	80.000	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách tính năm 2022 cho vốn đối ứng các chương trình MTQG (tại Nghị quyết số 129/TB-HĐND ngày 21/6/2023. Có phụ lục 1 kèm theo.

Phụ lục 1

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA DO
HỤT THU BỔ TRÍ SANG NĂM 2023**

(Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022)

(Kèm theo Quyết định số 655 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng



STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	TỔNG SỐ	Trong đó:		Ghi chú
			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	
	TỔNG SỐ	80.000	70.792	9.208	
I	Hỗ trợ các địa phương	72.540	65.839	6.701	
1	Huyện Ia Grai	3.965	3.965		
2	Huyện Phú Thiện	418	418		
3	Huyện KBang	15.406	15.406		
4	Huyện Ia Pa	5.104	5.104		
5	Huyện Kông Chro	8.563	1.862	6.701	
6	Huyện Krông Pa	6.332	6.332		
7	Huyện Chư Prông	11.749	11.749		
8	Huyện Chư Păh	5.270	5.270		
9	Huyện Chư Sê	445	445		
10	Huyện Chư Puh	328	328		
11	Huyện Đak Đoa	4.462	4.462		
12	Huyện Đức Cơ	5.041	5.041		
13	Huyện Đăk Pơ	284	284		
14	Huyện Mang Yang	4.465	4.465		
15	Thành phố Pleiku	443	443		
16	Thị xã An Khê	60	60		
17	Thị xã Ayun Pa	205	205		
II	Các sở, ban, ngành	7.460	4.953	2.507	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.953	4.953		
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	131		131	
3	Trường Cao đẳng Gia Lai	2.376		2.376	

Ghi chú: Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư sang nguồn tăng thu ngân sách tỉnh



Phụ lục 2

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THIỀU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023**

(Xử lý nguồn: Chuyển từ nguồn vốn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư sang nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí)

(Kèm theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng số	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBĐTTS và MN	Ghi chú
	Tổng số	8.986	8.986	
1	Huyện Ia Pa	1.410	1.410	
2	Huyện Krông Pa	540	540	
3	Huyện Chư Prông	4.560	4.560	
4	Huyện Mang Yang	1.700	1.700	
5	Huyện Ia Grai	776	776	

Ghi chú: Giám tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư của các huyện tại biểu số 04 kèm theo Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 tương ứng với số vốn bố trí từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tại phụ lục 2 này.